

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH KIÊN GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **23/2024/DS-ST**

Ngày 30/7/2024

V/v “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH - TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Lê Thị Thanh Thảo**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Vũ Văn Hợp**

Ông **Nguyễn Thành Thái**

Thư ký phiên tòa ghi biên bản phiên tòa: Ông **Nguyễn Chí Thăng** - Thư ký TAND huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành: Ông **Nguyễn Thế Nam** – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 7 năm 2024 tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 60/2024/TLST- DS, ngày 05 tháng 3 năm 2024 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2024/QĐXXST- DS, ngày 26/4/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 17/2024/QĐST- DS ngày 15/5/2024 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: **Ngân hàng TMCP V(V1)**

Trụ sở: H L, phường L, quận Đ, thành phố Hà Nội

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Ngô Chí D** - Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Đỗ Thành T** - Chức vụ: Phó Giám đốc Trung tâm T1 và xử lý nợ pháp lý, V1 (theo văn bản ủy quyền số: 58/2023/UQN-CTQT ngày 12/7/2023 QĐ-NHNo-PC ngày 01/12/2022 của Chủ tịch Hội đồng quản trị).

Người được ủy quyền tham gia tố tụng: Ông **Nguyễn Hoàng P** - cán bộ xử lý nợ. Địa chỉ: Số D đường T, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang (Văn bản ủy quyền số 817/UQ-VBP ngày 12/12/2023).

* Bị đơn: Chị **Lê Thị Bích N**, sinh năm: 1987.

Địa chỉ: Tổ B, khu phố M, thị trấn M, huyện C, tỉnh Kiên Giang

(Ông P có mặt, chị N vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa ông **Trang M** P là người đại diện nguyên đơn Ngân hàng V trình bày như sau:**

Ngân hàng TMCP V(V1) có cho bà Lê Thị Bích N vốn theo hợp đồng cho vay số: LN2112304999267 ngày 14/01/2022:

Số tiền vay: 441.000.000 đồng (Bốn trăm bốn mươi một triệu đồng).

Mục đích vay: Thanh toán tiền mua xe ô tô mới 100%.

Thời hạn vay: 84 tháng. (Kể từ ngày 14/01/2022 đến ngày 14/01/2029).

Lãi suất tại thời điểm giải ngân hàng: 9%/năm, cố định trong 12 tháng đầu tiên, sau đó lãi hiệu suất được điều chỉnh định kỳ 03 tháng /lần.

Phương thức trả nợ: Trả gốc và lãi 01 tháng 01 lần vào ngày 10 hàng tháng theo quy định của Hợp đồng đã ký đính kèm. (Gốc thanh toán hàng tháng là 5.250.000 đồng).

Ngân hàng đã giải ngân số tiền vay cho chị Lê Thị Bích N ngày 14/01/2022.

Tính đến thời điểm hiện tại chị Lê Thị Bích N thanh toán số tiền cho V1 bao gồm nợ gốc: 73.552.755 đồng; Nợ lãi: 47.005.281 đồng; Tổng cộng: 120.558.036 đồng (Một trăm hai mươi triệu, năm trăm năm mươi tám nghìn, không trăm ba mươi sáu đồng).

- Tài sản bảo đảm cho khoản vay trên là: Quyền sở hữu/sử dụng: Một xe ô tô, nhãn hiệu: MG, số loại: ZS 1.5L; Số khung: MMLW74U2MG023129, số máy: 1584CCTTM5050002, biển số: 68A-221.90, theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô do Phòng C1 Công an tỉnh K cấp ngày 13/01/2022 theo hợp đồng thế chấp số LN21123049999267 ngày 14/01/2022.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng chị Lê Thị Bích N vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ vay theo quy định tại Hợp đồng tín dụng nêu trên, V1 đã nhiều lần liên hệ và làm việc với chị Lê Thị Bích N yêu cầu hoàn trả nợ vay nhưng chị N cố tình kéo dài thời gian nhằm trốn tránh việc thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân Hàng.

Nay Ngân hàng yêu cầu:

Buộc chị Lê Thị Bích N phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP V(V1) số tiền còn nợ tổng cộng gốc và lãi tạm tính đến ngày 12/12/2023 là: 427.969.871.175.557.4683 (Trong đó gốc là: 367.447.245 đồng và lãi là 70.522.626

đồng). Đồng thời yêu cầu chị Lê Thị Bích N phải trả lãi phát sinh kể từ ngày 13/12/2023 cho đến khi thanh toán dứt điểm nợ vay.

Nếu chị Lê Thị Bích N không trả được số nợ gốc và lãi đã nêu trên thì yêu cầu các cơ quan có thẩm quyền của nhà nước phát mãi tài sản thế chấp là xe ô tô biển số 68A – 221.90 để thu hồi nợ ngân hàng.

Ông P1 còn trình bày thêm, hiện nay tài sản thế chấp do chị người trực tiếp, quản lý sử dụng.

*** Bị đơn chị Lê Thị Bích N**

Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho chị N như Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa đúng theo quy định của pháp luật nhưng chị N không đến Tòa án nên không có lời khai.

*** Tại phiên tòa:**

Ông P1 vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Yêu cầu chị Lê Thị Bích N trả cho Ngân hàng TMCP V(V1 số tiền còn nợ tính đến ngày 30/7/2024 tổng cộng gốc và lãi là: 493.399.015 đồng (Trong đó gốc là: 367.447.245 đồng và lãi là 125.951.770 đồng). Đồng thời yêu cầu chị Lê Thị Bích N phải trả lãi phát sinh kể từ ngày 31/7/2024 cho đến khi thanh toán dứt điểm nợ vay theo hợp đồng đã ký kết nêu trên.

Nếu chị Lê Thị Bích N không trả được số nợ gốc và lãi đã nêu trên thì yêu cầu các cơ quan có thẩm quyền của nhà nước phát mãi tài sản thế chấp là xe ô tô biển số 68A – 221.90 để thu hồi nợ ngân hàng.

- Quan điểm kiểm sát của đại diện Viện kiểm sát như sau:

+ Về tố tụng: Thẩm phán thực hiện đúng và đầy đủ các quy định về xác định thẩm quyền, thu thập chứng cứ, yêu cầu đương sự cung cấp chứng cứ, thủ tục tổng đạt văn bản tố tụng, thời hạn chuẩn bị xét xử; Đồng thời tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) và thư ký tuân thủ trình tự tố tụng tại phiên tòa, đương sự có mặt thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tại tòa.

+ Về nội dung: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc chị Lê Thị Bích N trả cho Ngân hàng TMCP V(V1 số tiền còn nợ tính đến ngày 30/7/2024, tổng cộng gốc và lãi là: 493.399.015 đồng (Trong đó gốc là: 367.447.245 đồng và lãi là 125.951.770 đồng). Đồng thời yêu cầu chị Lê Thị Bích

N phải trả lãi phát sinh kể từ ngày 31/7/2024 cho đến khi thanh toán dứt điểm nợ vay theo hợp đồng đã ký kết nêu trên.

Nếu chị Lê Thị Bích N không trả được số nợ gốc và lãi đã nêu trên thì yêu cầu các cơ quan có thẩm quyền của nhà nước phát mãi tài sản thế chấp là xe ô tô biển số 68A – 221.90 để thu hồi nợ ngân hàng.

Các đương sự phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn thì đây là tranh chấp hợp đồng vay tài sản và bị đơn có nơi cư trú tại **huyện C** thẩm quyền giải quyết của Tòa án **huyện C** quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ Luật tố tụng dân sự 2015.

[2] Về thủ tục tố tụng: Chị Lê Thị Bích N là bị đơn trong vụ án đã được triệu tập hợp lệ lần 2 nhưng vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị N theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ Luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án: Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP V.

[3.1] Về nợ gốc: Theo hợp đồng cho vay số LN2112304999267 ngày 14/01/2022, thì chị Lê Thị Bích N của Ngân hàng Thương mại cổ phần V số tiền 441.000.000 đồng. Cùng ngày Ngân hàng TMCP V giải ngân số tiền vay 441.000.000 đồng cho chị N. Chị N trả cho Ngân hàng số tiền 73.552.755 đồng. Còn nợ lại 367.447.245 đồng thì không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng như đã thỏa thuận cho đến nay. Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tổng đạt hợp lệ đầy đủ các văn bản tố tụng của Tòa án cho chị N không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện, các chứng cứ do nguyên đơn cung cấp cũng như không có yêu cầu phản tố hay yêu cầu độc lập nên căn cứ vào khoản 1, 2 và 4 Điều 91 Bộ Luật tố tụng dân sự 2015, có thể khẳng định về chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp là hợp lệ.

Xét hợp đồng cho vay nêu trên, HĐXX xét thấy tại điểm a, mục 8 của hợp đồng quy định:

“8. Chấm dứt cho vay, thu hồi nợ trước hạn:

*a. Bên vay vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi, phí, chi phí và bất kỳ nghĩa vụ nào khác đối với Bên Ngân hàng (bao gồm cả một dịch vụ trả nợ theo bất kỳ **K** nợ gốc, **K** nợ lãi nào) theo phương tiện giữa Bên Ngân hàng và Bên vay tại HĐĐiều Kiện Giao Dịch Và các văn bản thuận liên quan”.*

Như vậy, khi chị N phạm nghĩa vụ thanh toán nợ thì phía Ngân hàng có quyền yêu cầu chấm dứt hợp đồng để thu hồi nợ. Do đó, Ngân hàng TMCP V yêu cầu chị N trả nợ gốc là 367.447.245 đồng là có căn cứ và phù hợp theo quy định nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Buộc chị N phải trả cho Ngân hàng TMCP V số nợ gốc là 367.447.245 đồng.

[3.2] Về lãi suất: Tại phiên tòa ông P1 là người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng V xác nhận từ khi vay cho đến nay chị N đóng tiền lãi cho Ngân hàng số tiền là 47.005.281 đồng. Tính đến ngày 30/7/2024 chị N còn nợ tiền lãi là 125.951.770 đồng (lãi trong hạn 83.967.847 đồng, lãi quá hạn 41.983.923 đồng). Nay yêu cầu chị N phải trả cho Ngân hàng số tiền lãi nêu trên và yêu cầu chị Lê Thị Bích N phải trả cho ngân hàng số tiền lãi phát sinh từ ngày 31/7/2024 cho đến khi trả xong nợ với mức lãi suất theo hợp đồng cho vay đã ký kết nêu trên. HĐXX xét thấy, yêu cầu này là phù hợp nên được chấp nhận. Buộc chị N phải trả cho Ngân hàng tổng cộng là 125.951.770 đồng và chị N còn phải tiếp tục trả lãi phát sinh cho Ngân hàng kể từ ngày 31/7/2024 cho đến khi thanh toán hết nợ với mức lãi suất theo hợp đồng đã ký kết nêu trên.

[3.3] Về tài sản thế: theo hợp đồng thế chấp số LN21123049999267 ngày 14/01/2022. Hội đồng xét xử xét thấy, việc thế chấp các tài sản nêu trên giữa chị N Ngân hàng là hoàn toàn tự nguyện và các tài sản thế chấp đã đăng ký theo quy định nên cần duy trì để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng.

[4] Về ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa: Xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm giá ngạch:

Án phí được tính như sau: 493.399.015 đồng là 20.000.000 đồng + 4% (93.399.015 đồng) = 20.000.000 đồng + 3.735.961 đồng = 23.735.900 đồng (làm tròn).

Buộc chị Lê Thị Bích N phải chịu án phí là 23.735.900 đồng.

Ngân hàng TMCP V không phải chịu án phí do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 227 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

- Căn cứ các Điều 463, 466 Bộ Luật dân sự 2015

- Căn cứ Điều 147 Bộ Luật tố tụng dân sự 2015 và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP V

Buộc chị Lê Thị Bích N phải trả cho Ngân hàng TMCP V nợ tính đến ngày 30/7/2024: tổng cộng là 493.399.015 đồng. Trong đó, gốc là: 367.447.245 đồng và lãi là 125.951.770 đồng (lãi trong hạn 83.967.847 đồng, lãi quá hạn 41.983.923 đồng) và tiền lãi phát sinh từ ngày 31/7/2024 cho đến khi chị N thanh toán xong nợ vay cho Ngân hàng theo hợp đồng cho vay số: LN2112304999267 ngày 14/01/2022.

Khi chị N trả xong nợ thì Ngân Hàng TMCP V trách nhiệm trả lại cho chị N: Quyền sở hữu/sử dụng: Một xe ô tô, nhãn hiệu: MG, số loại: ZS 1.5L; Số khung: MMLW74U2MG023129, số máy: 1584CCTTM5050002, biển số: 68A-221.90, theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô do Phòng C1 Công an tỉnh Kcáp ngày 13/01/2022 theo hợp đồng thế chấp số LN21123049999267 ngày 14/01/2022.

Trường hợp chị N không tự nguyện thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ nợ cho Ngân hàng TMCP V thì Ngân hàng TMCP V quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án phát mại tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp số LN21123049999267 ngày 14/01/2022 để thu hồi nợ.

[2] Về án phí dân sự sơ thẩm giá ngạch:

Buộc chị Lê Thị Bích N phải chịu án phí là 23.735.900 đồng đồng (*hai mươi ba triệu, bảy trăm ba mươi lăm nghìn, chín trăm đồng*).

Trả lại cho Ngân hàng TMCP V số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 11.000.000 đồng (*Mười một triệu đồng*) theo lai thu số 0007528 ngày 26/02/2024 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

[3] Quyền kháng cáo: Ngân hàng TMCP V quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị N có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết công khai bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- VKSND cùng cấp;

- UBND xã;
- CCTHADS;
- Dương sự;
- Lưu.

Lê Thị Thanh Thảo